

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng lên ngưỡng 1,250 và giao dịch tại đây gần như cả ngày. Cuối phiên chiều, áp lực chốt lời đẩy chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,241.95 điểm, tăng nhẹ gần 2 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 10/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm và Hàng cá nhân & gia dụng dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Vậy là VN-Index vẫn chưa thể bật lên hoàn toàn khỏi vùng 1,200 – 1,240. Nhà đầu tư có thể cân nhắc cơ cấu danh mục để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn trong giai đoạn thị trường chưa có xu hướng rõ ràng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2505, VN30F2506.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 06/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+1.90** điểm, đóng cửa tại **1241.95** điểm. HNX-Index **+0.08** điểm, đóng cửa tại **212.89** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.63)**, **TCB (+0.60)**, **VPB (+0.58)**, **HVN (+0.57)**, **VIC (+0.46)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.51)**, **HPG (-0.38)**, **BCM (-0.36)**, **STB (-0.29)**, **LPB (-0.28)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,069** tỷ đồng, tăng **22.08%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,596 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.97 điểm. Thị trường có **166** mã tăng, 57 mã tham chiếu, **148** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **71.97** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VRE (98.57 tỷ)**, **NVL (54.79 tỷ)**, **VCI (46.32 tỷ)**, **CTG (41.76 tỷ)**, **HVN (35.01 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **20.94** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.14%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - PDR (+3.19%)** ([Link báo cáo](#))
 - BSR (+2.48%)**
 - VPB (+1.81%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+0.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - PNJ (+3.95%)** ([Link báo cáo](#))
 - VHC (+3.71%)** ([Link báo cáo](#))
 - VTP (+3.15%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.14%	0.13%	0.15%	-0.06%
1 tuần	1.52%	2.21%	1.28%	0.76%
1 tháng	4.11%	2.59%	2.58%	3.06%
3 tháng	-8.39%	-7.65%	-2.18%	-0.88%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,241.95	212.89	92.94
% 1D	0.15%	0.04%	0.61%
GTKL (tỷ VND)	16,069	1,023	434
%1D	22.08%	54.77%	2.13%
GDNN (tỷ VND)	71.97	20.94	-13.24

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	98.57	GMD	-58.03
NVL	54.79	VCB	-55.15
VCI	46.32	VPB	-40.62
CTG	41.76	MWG	-31.71
HVN	35.01	LPB	-28.27

Thị trường thế giới

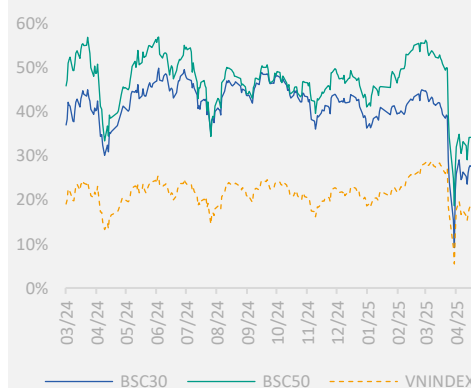
		%D	%W
SPX	5,650	-0.64%	2.20%
FTSE100	8,581	-0.17%	1.95%
Eurostoxx	5,223	-1.19%	0.83%
Shanghai	3,316	1.13%	0.57%
Nikkei	36,831	1.04%	5.11%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.66	2.37%
Giá vàng	3,377	1.06%
Tỷ giá		
USD/VND	26,160	0.08%
EUR/VND	30,189	-0.02%
JPY/VND	185	0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	-0.01%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50

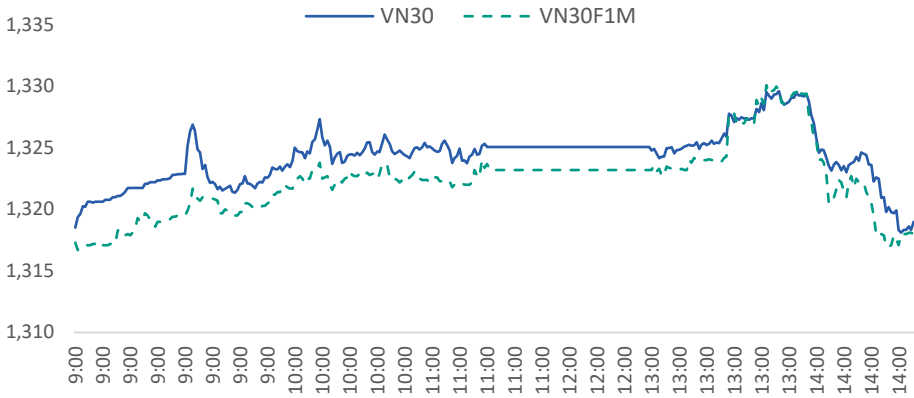


Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1317.10	-0.07%	218	275.9%	9/18/2025	135
VN30F2512	1317.30	-0.12%	64	6.7%	12/18/2025	226
VN30F2505	1317.50	0.08%	170,591	88.6%	5/15/2025	9
VN30F2506	1317.00	0.01%	395	72.5%	6/19/2025	44

Nguồn: FiinproX, BSC Research
Nhận định

- VN30 -0.75 điểm, đóng cửa tại 1319.66 điểm. Biên độ dao động 14.90 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MWG, STB, LPB, MSN tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán cuối phiên kéo VN30 về dưới tham chiếu. Thanh khoản thị trường ghi nhận cải thiện nhưng vẫn dưới ngưỡng MA20. Chiến lược là Long/Short linh hoạt đối với phái sinh, NĐT nên nắm giữ và quan sát xu hướng vận động của thị trường trong thời gian tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2505, VN30F2506. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CACB2405	5/14/2025	8	9,300	-87.88%	2.55	90	800.0%	5.36	2.91	24.00	24.00
CVIB2408	5/14/2025	8	6,900	-87.03%	1.95	80	700.0%	3.89	2.27	17.50	17.50
CHPG2410	8/14/2025	100	1,000	-80.04%	2.80	570	103.6%	5.67	5.08	25.45	25.45
CVPB2410	8/14/2025	100	100	-81.72%	2.10	330	83.3%	4.94	3.09	16.90	16.90
CVPB2507	7/21/2025	76	112,500	-83.63%	2.07	350	52.2%	7.43	2.77	16.90	16.90
CHDB2504	11/19/2025	197	51,300	-78.79%	2.67	460	21.1%	4.66	4.51	21.25	21.25
CTCB2406	6/30/2025	55	29,100	-84.18%	2.80	290	20.8%	4.81	4.25	26.85	26.85
CVPB2508	9/19/2025	136	400	-83.04%	2.17	350	20.7%	7.39	2.87	16.90	16.90
CVHM2409	8/14/2025	100	400	-59.61%	4.20	4,080	18.3%	11.35	24.60	60.90	60.90
CVPB2407	7/28/2025	83	1,681,800	-85.92%	2.10	70	16.7%	3.71	2.38	16.90	16.90
CTCB2502	5/26/2025	20	1,235,600	-79.66%	2.40	1,530	15.0%	12.23	5.46	26.85	26.85
CVPB2506	10/6/2025	153	956,600	-83.91%	2.02	350	12.9%	7.46	2.72	16.90	16.90
CVJC2503	9/19/2025	136	241,900	-81.57%	11.00	540	12.5%	7.82	16.40	89.00	89.00
CTCB2506	10/23/2025	170	164,500	-72.07%	2.50	1,250	11.6%	6.10	7.50	26.85	26.85
CVPB2501	10/27/2025	174	3,061,000	-83.08%	2.00	430	10.3%	7.47	2.86	16.90	16.90
CMSN2501	6/26/2025	51	297,100	-86.97%	7.20	110	10.0%	6.86	8.08	62.00	62.00
CSTB2512	2/23/2026	293	25,000	-75.19%	4.60	1,260	9.6%	8.61	9.64	38.85	38.85
CVRE2505	10/23/2025	170	100	-58.47%	1.70	4,320	9.4%	11.62	10.34	24.90	24.90
CVRE2508	10/20/2025	167	900	-67.35%	2.09	1,510	8.6%	5.71	8.13	24.90	24.90
CTPB2501	6/30/2025	55	115,200	-86.23%	1.77	130	8.3%	12.04	1.90	13.80	13.80

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 06/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2405 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 800.00%. CMBB2405 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.10%.
- CVIC2501, CVHM2408, CVIC2405, CVHM2503, CVIC2502 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2503, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	109.70	1.01%	1.25
TCB	26.85	1.32%	1.01
VIC	70.50	0.71%	0.80
VPB	16.90	1.81%	0.75
GAS	59.60	1.88%	0.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research
Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	25.45	-0.97%	-1.25
MWG	60.50	-0.82%	-0.79
STB	38.85	-1.65%	-0.75
LPB	31.75	-1.24%	-0.69
MSN	62.00	-0.80%	-0.57

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	59.60	1.88%	0.63	2.34
TCB	26.85	1.32%	0.60	7.06
VPB	16.90	1.81%	0.58	7.93
HVN	33.55	3.23%	0.57	2.21
VIC	70.50	0.71%	0.46	3.82

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	195.00	0.93%	0.22	0.20
PVI	55.80	1.82%	0.15	0.23
PVS	26.30	1.15%	0.09	0.48
NVB	10.30	0.98%	0.07	1.17
CEO	12.70	1.60%	0.07	0.54

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVL	12.25	6.99%	0.40	36.99
JVC	4.79	6.92%	0.01	0.51
ITD	14.00	6.87%	0.01	0.16
VPG	12.05	6.64%	0.02	0.91
SSC	34.00	6.25%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KHS	21.20	9.84%	0.09	0.16
SDN	24.60	9.82%	0.03	0.00
VE3	9.00	9.76%	0.00	0.00
PRC	33.80	9.74%	0.01	0.03
BST	11.40	9.62%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	24.30	-2.21%	-0.51	4.00
HPG	25.45	-0.97%	-0.38	6.40
BCM	56.00	-2.61%	-0.36	1.04
STB	38.85	-1.65%	-0.29	1.89
LPB	31.75	-1.24%	-0.28	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

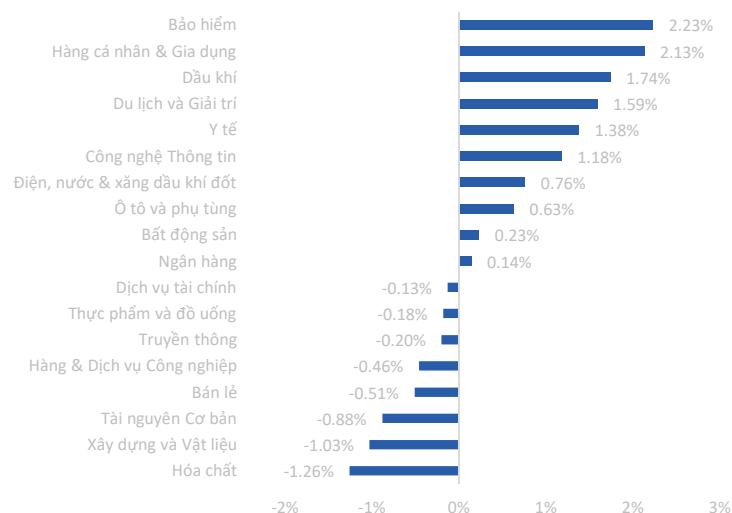
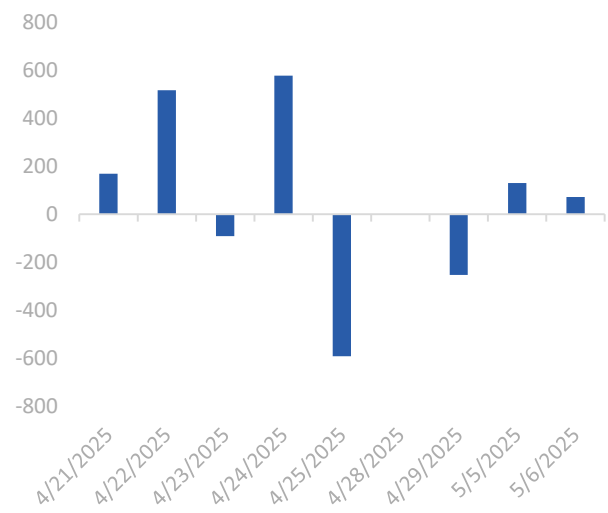
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	63.90	-1.39%	-0.16	0.30
IDC	36.70	-2.13%	-0.16	0.33
BAB	11.10	-0.89%	-0.06	0.96
PIC	23.80	-9.85%	-0.05	0.03
INN	59.00	-6.20%	-0.04	0.02

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LGC	58.60	-6.98%	-0.19	0.00
SVI	62.80	-6.96%	-0.01	0.00
TDH	4.19	-6.89%	-0.01	0.73
SFC	21.65	-6.88%	0.00	0.00
PGI	21.65	-5.87%	-0.03	0.07

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSQ	2.00	-9.09%	-0.02	0.12
X20	13.70	-8.67%	-0.07	0.01
SFN	20.20	-8.60%	-0.02	0.00
PGT	9.50	-7.77%	-0.02	0.01
VE8	2.50	-7.41%	0.00	0.03

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.5	-0.8%	1.5	90,215	251.4	2,982	20.5		46.8%	
KBC	Bất động sản	23.5	-0.6%	1.4	18,154	134.1	1,629	14.5		15.7%	
KDH	Bất động sản	27.1	-0.2%	1.3	27,453	61.8	896	30.3		35.7%	
PDR	Bất động sản	16.2	3.2%	1.8	14,198	194.5	181	86.7	23,600	7.7%	Link
VHM	Bất động sản	60.9	0.0%	0.9	250,141	659.5	7,766	7.8	58,200	12.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	109.7	1.0%	0.9	159,758	742.2	5,618	19.3	163,000	41.1%	Link
BSR	Dầu khí	16.5	2.5%	0.0	49,918	55.9	(37)	-438.0		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.3	1.2%	1.4	12,427	104.0	2,303	11.3	40,300	15.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.5	0.6%	1.4	18,251	303.5	1,394	18.2		39.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.2	0.2%	1.2	45,319	384.4	1,546	15.0		35.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.0	0.0%	1.4	26,570	281.6	1,602	23.1		30.1%	
DCM	Hóa chất	33.8	-0.3%	1.5	17,947	75.4	2,805	12.1	37,800	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	93.3	-0.5%	1.5	35,623	89.9	8,224	11.4	108,500	15.2%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	-0.2%	0.8	107,423	203.0	3,708	6.5	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	35.0	0.3%	0.8	244,694	103.7	3,643	9.6	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	37.6	0.7%	1.1	200,569	273.2	4,806	7.8	50,000	26.7%	Link
HDB	Ngân hàng	21.3	0.2%	1.1	74,095	165.8	3,985	5.3		16.8%	
MBB	Ngân hàng	23.6	0.0%	1.0	143,709	537.9	4,049	5.8	26,300	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.3	0.0%	1.0	29,250	69.7	2,150	5.2	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	38.9	-1.7%	1.0	74,466	470.6	5,767	6.9		20.9%	
TCB	Ngân hàng	26.9	1.3%	1.1	187,219	665.2	3,013	8.8	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.8	1.5%	1.0	35,931	202.1	2,383	5.7	-	23.0%	Link
VCB	Ngân hàng	57.0	-0.2%	0.8	477,109	200.9	4,063	14.1		22.5%	
VIB	Ngân hàng	17.5	-0.3%	0.9	52,284	73.0	2,400	7.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	16.9	1.8%	1.0	131,703	430.9	2,030	8.2	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.5	-1.0%	1.4	164,384	544.2	1,954	13.2	37,500	22.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.4	-1.7%	1.7	9,097	86.1	749	19.6	22,700	5.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	-2.0%	1.6	9,404	156.3	3,930	7.2	32,200	2.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.0	-0.8%	1.4	89,897	325.7	1,518	41.2		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.9	0.0%	0.7	118,918	145.7	4,194	13.6		48.8%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.2	0.76%	1.6	7,222	39.5	2,098	15.7	18.7%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	171.8	-0.41%	0.8	23,502	47.1	3,279	52.6	32.2%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	47.5	3.04%	1.0	34,221	48.7	2,975	15.5	26.9%	9.7%	
DIG	Bất động sản	15.3	1.32%	1.8	9,209	178.0	321	47.0	3.0%	2.5%	
DXG	Bất động sản	15.3	-0.65%	1.7	13,411	193.6	372	41.4	20.8%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	22.2	-0.67%	1.5	3,977	70.9	436	51.2	3.3%	3.4%	
HDG	Bất động sản	23.9	0.42%	1.4	7,988	53.7	839	28.3	19.6%	4.6%	
IDC	Bất động sản	36.7	-2.13%	1.5	12,375	86.0	4,982	7.5	17.0%	31.2%	
NLG	Bất động sản	28.7	-1.03%	1.5	11,167	57.3	1,827	15.9	38.0%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	65.6	-0.61%	0.0	13,895	26.0	6,076	10.9	4.6%	29.7%	
SZC	Bất động sản	30.7	-1.76%	1.4	5,616	58.4	2,036	15.3	2.7%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	17.2	0.88%	1.6	11,393	149.6	1,279	13.3	9.2%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	70.5	0.71%	1.0	267,656	403.1	2,823	24.8	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.9	0.00%	1.1	56,581	469.6	1,844	13.5	19.9%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	33.3	2.94%	1.3	6,825	52.1	1,654	19.5	36.6%	12.5%	
PLX	Dầu khí	33.9	0.74%	1.1	42,755	52.5	1,535	21.9	17.4%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	18.1	2.27%	1.3	9,811	133.9	1,246	14.2	8.1%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	38.0	-0.13%	1.7	11,640	133.8	1,816	21.0	27.9%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.8	-0.37%	1.6	15,408	93.8	1,650	16.3	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	59.6	1.88%	0.9	137,046	53.3	4,543	12.9	1.7%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.2	-0.81%	1.3	28,805	80.6	606	20.3	3.7%	4.4%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.7	-1.13%	0.9	33,206	48.1	4,511	15.6	49.0%	11.4%	
VJC	Du lịch và Giải trí	89.0	-0.67%	0.7	48,528	57.4	2,825	31.7	12.6%	9.0%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	28.6	0.88%	1.8	24,365	607.3	2,052	13.8	9.9%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.2	-2.39%	1.2	22,900	230.3	3,797	14.4	40.0%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.5	-3.79%	1.2	8,573	108.8	5,594	11.8	13.1%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.6	-0.23%	1.2	7,708	55.8	3,026	7.2	11.3%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.5	3.15%	0.0	13,518	129.2	3,235	34.3	6.6%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	73.6	3.95%	1.0	23,924	132.8	6,105	11.6	46.6%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.3	1.74%	0.9	2,933	51.6	2,869	10.0	49.7%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.5	2.94%	1.6	2,084	20.0	2,580	6.6	17.1%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.5	-1.76%	1.4	13,344	71.6	1,223	27.9	8.7%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	24.3	-2.21%	1.5	99,400	102.4	1,174	21.2	0.6%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	19.0	-1.30%	1.0	35,857	288.5	1,856	10.4	4.0%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.8	-1.24%	0.3	96,041	88.9	3,333	9.7	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.2	0.58%	0.0	23,471	25.6	2,809	6.1	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.5	0.48%	1.0	25,644	91.9	1,189	8.8	19.1%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.2	-1.62%	1.7	5,528	64.2	1,122	11.0	5.4%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.7	2.61%	1.6	4,074	56.4	612	25.0	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.8	-0.57%	0.6	10,626	156.2	1,483	23.6	3.0%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.9	-0.10%	0.8	61,435	41.6	3,217	14.9	59.5%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.7	3.71%	1.2	11,189	83.2	6,721	7.4	23.2%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	144.0	-0.69%	0.8	11,870	17.8	13,288	10.9	85.3%	38.6%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.1	-1.11%	1.5	8,094	52.9	3,238	25.0	48.9%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.3	2.88%	1.3	9,929	99.2	4,754	18.3	7.8%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	51.1	-1.35%	1.7	3,263	41.5	3,738	13.9	8.0%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.1	0.00%	1.4	5,230	82.5	1,103	11.0	7.9%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.3	-0.23%	1.3	7,618	30.8	1,217	17.5	16.6%	8.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.5	-2.05%	1.3	13,109	197.9	988	22.2	7.0%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.4	-0.49%	1.4	18,181	22.3	2,720	14.9	5.4%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
4	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
5	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
18	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
23	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>